

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 07/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2020 về việc “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/7/1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn YT, xã BS, huyện LN, tỉnh BG.

Nơi ở: thôn BB, xã TD, huyện LN, tỉnh BG.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Bị đơn:** anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/6/1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn YT, xã BS, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1963.  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn YT, xã BS, huyện LN, tỉnh BG.  
Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/4/2017 tại UBND xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ của anh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Kể từ khi chị sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Tháng 4/2018 anh L đã đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài Đài Loan và chỉ liên lạc với bố mẹ đẻ, không liên lạc với chị. Ngày 08/8/2019 bố mẹ chồng đuổi chị về nhà mẹ đẻ. Về địa chỉ của anh L ở nước ngoài chị có hỏi bố mẹ chồng nhưng gia đình giấu, không cung cấp. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018. Hiện cháu đang do bố mẹ chồng nuôi dưỡng, chị đến đón con nhưng gia đình không cho đón con. Ly hôn đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không đồng ý giao con chung cho anh L và gia đình nuôi dưỡng vì anh L không có nhà, chị có trình độ văn hóa hơn đảm bảo việc chăm sóc con. Chị đi làm công ty có thu nhập hơn 8.000.000 đồng/ 1 tháng. Công việc làm hành chính từ 8 giờ đến 17 giờ hàng ngày nên chị có đủ thời gian chăm sóc con. Ngoài ra bố chị sinh năm 1960, mẹ chị sinh năm 1959 vẫn còn khỏe mạnh để trông nom con giúp chị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Văn L hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Văn L.

- Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ anh L là ông Nguyễn Văn Ch – sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn YT, xã BS, huyện LN, tỉnh BG. Tại các biên bản làm việc với Tòa án, ông Nguyễn Văn Ch có quan điểm trình bày như sau: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn L, hiện nay anh L đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh L ở nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được và gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu anh L gửi quan điểm, lời khai về cho Tòa án.

- Về việc chị H xin ly hôn, anh L có quan điểm trao đổi với gia đình đề nghị Tòa án như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh L đồng ý ly hôn với chị H.

+ Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018 hiện cháu đang do gia đình nuôi dưỡng. Ly hôn đề nghị giao con chung cho anh L nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải chấp dưỡng nuôi con chung. Chị H không đủ điều kiện nuôi con chung, đi làm công ty không có thời gian, bố mẹ đã già không trông nom con giúp được.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: không có tài sản chung, công nợ chung.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Đề nghị Tòa án triệu tập tôi tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Khi ly hôn anh Nguyễn Văn L xin được nuôi con chung là Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018. Hiện cháu H đang ở ổn định với chúng tôi, do gia đình nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay. Anh L đồng ý để chúng tôi đứng ra chăm sóc cháu H khi anh L không có nhà. Lý do vì bố mẹ chị H đã già, chị H không có chỗ ở ổn định, chị H đi làm xa nhà không có thời gian chăm sóc con chung.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị H được ly hôn anh L. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H có nguyện vọng nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con. Chị H không đồng ý giao con cho anh L và gia đình ông Ch nuôi dưỡng. Do đó áp dụng khoản 3, Điều 81- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho chị H được nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh L không phải cấp dưỡng do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn, đề nghị giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn L. Bị đơn Nguyễn Văn L là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn YT, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 19/QLXNC-P5 ngày 02/01/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Văn L đã xuất nhập cảnh 3 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 23/4/2018, chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Nguyễn Văn L. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Nguyễn Văn L cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Đối với ông Nguyễn Văn Ch đã được tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Ch.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/4/2017 tại UBND xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ của anh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Kể từ khi chị sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế dẫn đến

vợ chồng hay cãi nhau. Tháng 4/2018 anh L đã đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài (theo gia đình cung cấp là Đài Loan) và chỉ liên lạc với bố mẹ đẻ, không liên lạc với chị H. Ngày 08/8/2019 chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin được ly hôn anh L. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Nguyễn Văn L có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Hiện nay anh L và chị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và đã nhiều năm nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc, ly thân với nhau từ năm 2018. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh L và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh L.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Hoan, anh L có 1 con chung là cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018 đang ở cùng gia đình anh L. Ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi con, anh L và ông Nguyễn Văn Ch (bố đẻ anh L) cũng có nguyện vọng được nuôi cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018 đang ở với gia đình anh L, ông Ch từ khi mới sinh ra được gia đình chăm sóc đầy đủ. Tuy nhiên hiện nay cháu H vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H có nguyện vọng nuôi con và có chứng minh đủ điều kiện để nuôi con như: Chị có công việc làm ổn định theo giờ hành chính từ 8 giờ đến 17 giờ hàng ngày, thu nhập bình quân khoảng 8,5 triệu đồng/1 tháng tại Công ty TNHH UNITY Việt Nam (làm việc tại Nhà máy WONJIN, Khu công nghiệp VT, Bắc Giang); bố, mẹ chị H còn mạnh khỏe và cũng có điều kiện giúp đỡ được chị trong việc nuôi con. Chị H không đồng ý giao con cho anh L và gia đình nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và tốt nhất của con chung, không chấp nhận yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của anh Nguyễn Văn L và quan điểm của ông Nguyễn Văn Ch được. HĐXX căn cứ khoản 3, Điều 81 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ chung): các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 3, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 02/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí:Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000538 ngày 06/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ

thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn L hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ch cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhân:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã BS, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**